



Danh Sách Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Lớp p: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Xác suất thống kê (202121-23)
CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11222003	PHẠM BÌNH AN	30/03/93					
2	11222002	VƯƠNG THÀNH AN	28/04/89	1	4	Bôn	An	
3	11222004	TRẦN THỊ LAN	10/06/88	1	2	Hai	Thị Lan	
4	11223001	NGUYỄN THỊ HỒNG AN	25/11/87	1	6	Sáu	Hồng An	
5	11223003	DƯƠNG THỊ BÚNG	31/12/85	1	8	Tám	Dương Thị Búng	
6	11222006	LÊ DIỄM CHÂU	19/03/91	1	8	Tám	Châu	
7	11222005	VÕ CHÍ CÔNG	20/12/86	1	3	Ba	Chí Công	
8	11222007	NGUYỄN THỊ HÀ DIỄM	28/05/81	1	5	Năm	Hà Diễm	
9	11222008	LÊ LONG HƯƠNG	05/12/92	1	8	Tám	Hương	
10	11222009	NGUYỄN HOÀNG DUY	23/07/85	2	8	Tám	Hoàng Duy	
11	11222010	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN T DUYÊN	12/08/82	1	8	Bảy	Đình Nguyễn T	
12	11222001	LÊ QUANG ĐỨC	20/07/85	1	5	Năm	Quang Đức	
13	11222014	MAI XUÂN HẢI	02/07/88					
14	11222011	ĐINH THỊ HẰNG	02/02/93	1	8	Tám	Đinh Thị Hằ	
15	11222012	LÊ NGỌC HÂN	09/05/89	1	4	Bốn	Ngọc Hân	
16	11223006	ĐẶNG HIẾU HIỀN	20/11/89					
17	11223008	ĐINH THỊ HOA	10/10/87	1	5	Năm	Đinh Thị Ho	
18	11223007	NGUYỄN VĂN HOÀNG	02/09/92	1	6	Sáu	Nguyễn Văn	
19	11222015	ĐÀO THỊ HỒNG	10/06/90					
20	11222018	NGUYỄN HỮU HUY	20/11/87					
21	11223010	NGUYỄN HUỲNH NHƯ HUYỀN	11/08/93					
22	11222019	TRẦN THỊ BÍCH HUYỀN	03/04/82	1	8	Bảy	Trần Thị B	
23	11222017	NGUYỄN HỮU HƯNG	20/05/83					
24	11222016	PHAN TẤN HƯNG	15/02/87	1	6	Sáu	Phan Tấn	
25	11222013	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	09/06/75	1	4	Bốn	Lê Thị Mai	
26	11223004	PHẠM THỊ HƯƠNG	02/12/93	1	8	Tám	Phạm Thị	
27	11222021	PHẠM HOÀNG MINH KHẢI	22/06/83	1	6	Sáu	Phạm Hoàng	
28	11222020	NGUYỄN BÁ KHÔI	22/09/89	1	6	Sáu	Nguyễn Bá	
29	11222022	VÕ BÉ KHUYẾN	08/05/85	1	6	Sáu	Võ Bé	
30	11223012	TRƯƠNG THỊ CHÂU LAN	06/02/88	2	6	Sáu	Trương Thị	
31	11223011	HỒ QUỐC LÂM	10/06/86					
32	11222023	LÊ PHÚC LÂM	26/08/83	1	4	Bốn	Lê Phúc	
33	11222024	BÙI QUANG LÂN	07/09/80	1	1	một	Bùi Quang	

Danh Sch Thi

Lp: TC11QTDD (Qun tr kinh doanh Th Đc)
Mn Hc Xc s t th ng k (202121-23)
CBGD

Trang 2

STT	M SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	S T	Đ.S	Đim Ch	Ch K	Ghi Ch
34	11222026	PHAN THỊ LIN	17/02/86	1	3	Ba	12	
35	11222028	TRNG THỊ LIU	24/09/86					
36	11222027	L VN	04/11/88	1	9	Chín	212	
37	11222030	L THỊ PHNG	13/08/74					
38	11222029	TRN HONG NGC	01/12/89					
39	11222031	PHO PHI LONG	18/01/79	1	5	Nm	Ph Long	
40	11222025	TRN XUN	27/09/88	1	5	Nm	Ks	
41	11222033	NGUYN V KIM	17/09/82	1	4	Bn	Nc	
42	11223017	PHM THỊ HOI	15/12/82	1	5	Nm	Ph Hoi	
43	11223015	HUNH THỊ NGC	01/05/92	1	4	Bn	Th	
44	11222032	NGUYN VN	02/09/87	1	6	Sn	Th	
45	11222034	H VN	07/02/76	1	8	Tm	Th	
46	11222035	TRNG VN	01/01/92					
47	11223018	CAO THỊ NHM	07/03/81					
48	11222036	TRNG THỊ THANH	03/11/80	1	8	Tm	Thanh	
49	11222037	ĐNG THỊ HNG	01/11/89	1	8	By	Th	
50	11222038	ĐNG BCH	26/12/88	1	6	Sn	Th	
51	11222040	L DUY PHNG	08/11/89					
52	11223020	NGUYN THỊ YN	03/01/93	1	8	By	Th	
53	11222039	TRN THNH	05/08/88	1	5	Nm	Th	
54	11222041	TRN THỊ TRC	25/05/87					
55	11222061	Đ KIM PHNG	25/10/83					
56	11222042	NGUYN HNG	08/11/76					
57	11222043	PHAN CHỊ TM	10/05/84	1	8	Tm	Th	
58	11222044	NGUYN VN	24/11/85					
59	11223023	NGUYN THỊ THANH	02/10/90	1	4	Bn	Th	
60	11222050	NGUYN TN	28/01/80					
61	11222046	DNG MINH THNH	01/06/86	1	4	Bn	Th	
62	11222045	ĐNG NGC	11/09/85	1	6	Sn	Th	
63	11222047	NGUYN ĐC	15/08/83	1	9	Chín	Th	
64	11222048	TRN CNG	08/10/76	1	5	Nm	Th	
65	11222049	NGUYN THỊ THO	25/08/89	1	4	Bn	Th	
66	11222051	NGUYN NGC	12/11/83	1	6	Sn	Th	
67	11223021	V THỊ HNG	1/92	1	1	Nm	Th	
68	11222052	TRN NGC	25/06/87					

Danh Sách Thi

Lô p: TC11 QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Xác suất thống kê (202121-23)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
69	11223022	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	22/12/93	2	7	Bảy	
70	11222054	ĐỖ VĂN	TIẾN	21/11/85				
71	11222055	TRẦN VĂN	TIẾN	23/05/86	1	5	Năm	
72	11222056	HUỲNH PHAN ÁNH	TRANG	23/03/93	1	5	Năm	
73	11223024	LƯU THỊ HUYỀN	TRÂN	12/02/83	1	8	Tám	
74	11223025	PHAN THỊ HUYỀN	TRÂN	08/04/92	1	3	Ba	
75	11222058	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	21/04/90				
76	11222057	PHẠM MINH	TRỌNG	19/08/86				
77	11223026	ĐOÀN NHẬT	TRƯỜNG	24/11/93	1	5	Năm	
78	11223027	NGUYỄN VĂN	TUẤN	15/02/92				
79	11222053	PHAN VĂN	TƯỢNG	02/08/82	1	5	Năm	
80	11223030	ĐỖ THỊ THÚY	VÂN	16/04/89	1	8	Tám	
81	11223031	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	04/11/86	2	7	Bảy	
82	11222059	VŨ QUANG	VỸ	20/09/91				
83	11222060	VĂN CÔNG	Ý	03/11/88	1	7	Bảy	

In Ngày 21/08/13

Ngày 21 Tháng 08 Năm 2013

Số' l: 58

Số' l: 62

Cán Bộ Cui Thi 1 Nguyễn Văn Tuấn Cán Bộ Cui Thi 2 Nguyễn Văn Tuấn

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 21/08/13

TP.HCM, Ngày 21 tháng 08 năm 2013

Ban Đại diện